

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2017/HSST.

Ngày 08-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền
2. Ông Nguyễn Tiến Sang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ
Thư

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên toà: Bà Lê
Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Song An, huyện Vũ
Thư, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2017/HSST
ngày 22 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc L - sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 7/12. Dân tộc: Kinh.

Con ông Phạm Hồng Đ (đã chết). Con bà Nguyễn Thị Q (đã chết).

Vợ: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1975 và có 02 con, con lớn sinh năm 1994,
con nhỏ sinh năm 2002.

Tiền án; Tiền sự: Không

Nhân thân:

Bản án số 53/2010/HSST ngày 25/11/2010 Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xử
phạt Phạm Ngọc L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về

tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã thi hành xong bản án tháng 8/2016.

Quyết định số 3072/QĐ-XPHC ngày 26/10/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Thái Bình đưa Phạm Ngọc L đi cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng kể từ ngày vào lưu trú (17/10/2012) tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động – Xã hội thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/6/2017 đến ngày 22/6/2017 chuyển tạm giam.

(Có mặt)

Những người làm chứng:

- Anh Trịnh Đăng K - sinh năm 1981

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Vắng mặt)

- Anh Phạm Văn T - sinh năm 1981

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1975

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc L bị nghiện ma túy từ năm 2012, thường sử dụng ma túy dưới hình thức hít heroin. Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 15/6/2017 tại khu vực chợ nông thôn mới thuộc thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, tổ công tác của Công an huyện Vũ Thư và Công an xã T đã phát hiện Phạm Ngọc L có biểu hiện liên quan đến ma túy. Phạm Ngọc L khai nhận đang cất giấu 02 gói heroin trong túi quần. Trước sự chứng kiến của hai người làm chứng là anh Trịnh Đăng K và anh Phạm Văn T, cơ quan Công an đã kiểm tra Phạm Ngọc L và thu giữ tại túi quần dài phía trước bên trái L đang mặc 02 gói nhỏ bên ngoài được gói bằng linon màu hồng, bên trong là lớp giấy trắng kim màu vàng, chứa chất bột màu trắng dạng cục. Cơ quan Công an đã niêm phong hợp pháp vật chứng quản lý của Phạm Ngọc L và trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 244/KLGD-PC54 ngày 16/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Mẫu gửi giám định thu của Phạm Ngọc L là ma túy, loại Heroine (Heroin), có

trọng lượng 0,3198 gam (*Không phải ba nghìn một trăm chín mươi tám gam*). Heroine STT: 20, Danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ.

Về nguồn gốc số ma túy đó, bị cáo khai bị cáo mua khoảng 20 giờ 00 phút ngày 15/6/2017 tại khu vực cổng ga tàu hỏa thuộc phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định, của một người đàn ông khoảng 35 tuổi không biết tên, địa chỉ, với giá 200.000 đồng, sau đó bị cáo mang về đến chợ nông thôn mới thuộc thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình để tìm nơi sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Ngoài ra Cơ quan Công an còn quản lý của bị cáo 01 xe mô tô biển số đăng ký 17K1- 3622, bị cáo khai đó là xe của vợ chồng bị cáo.

Bản cáo trạng số 67/KSĐT ngày 22 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Ngọc L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt Phạm Ngọc L mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy số heroin quản lý của bị cáo được hoàn lại sau giám định; Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị H chiếc xe moto BKS 17K1-3622 đã quản lý của bị cáo; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên và của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo:

Cơ quan điều tra đã thu thập hợp pháp các tài liệu chứng cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập hồi 21 giờ 15 phút, ngày 15/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 01 đến 04).

- Biên bản niêm phong vật chứng do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập hồi 22 giờ 35 phút ngày 15/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 05).

- Bản kết luận giám định số 244/LKGD-PC54 ngày 16/6/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 11).

- Lời khai của những người làm chứng: Anh Trịnh Đăng K, sinh năm 1981 và anh Phạm Văn T, sinh năm 1981 đều trú tại thôn V, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.(Bút lục số 65 đến 72). Nội dung: Những người làm chứng khai hồi 21 giờ 15 phút ngày 15/6/2017 đã chứng kiến lực lượng Công an khám xét và quản lý tại túi quần dài bên trái, phía trước của Phạm Ngọc L đang mặc 02 gói nhỏ gói bằng giấy linon màu hồng, bên trong là lớp giấy trắng kim loại màu vàng có chứa chất bột màu trắng dạng cục và đã niêm phong có chữ ký của bị cáo và hai người làm chứng.

- Đồng thời trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp vật chứng vụ án đã được quản lý.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 15/6/2017 tại khu vực chợ nông thôn mới, thuộc thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, bị cáo Phạm Ngọc L có hành vi tàng trữ trái phép tại túi quần dài bên trái, phía trước đang mặc 02 gói ma túy, loại Hêroin có trọng lượng 0,3198 gam (*Không phải ba nghìn một trăm chín mươi tám gam*), mục đích để sử dụng cho bản thân.

Phạm Ngọc L có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi cất dấu ma túy để sử dụng. Vì vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước ta, đi ngược lại cuộc đấu tranh quyết liệt của Nhà nước và nhân dân ta, nhằm đẩy lùi, loại trừ tội phạm ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Ma túy là một vấn nạn của toàn cầu, gây ra những hậu họa khôn lường cho sức khỏe, trí tuệ, kinh tế của bản thân người nghiện, là tác nhân lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các tội phạm khác trong xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình trật tự trị an, kìm hãm sự phát triển của kinh tế - xã hội. Vì vậy ma túy đã gây ra những hoang mang lo ngại rất

lớn trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã biết rõ tác hại của ma túy; biết rõ pháp luật nghiêm cấm việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, nhưng vẫn cố tình tàng trữ trái phép ma túy, vì vậy đã phạm vào tội nghiêm trọng, cần phải xử lý nghiêm khắc.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo đã một lần bị đưa đi tập trung cai nghiện ma túy bắt buộc nhưng bị cáo không quyết tâm cai nghiện, vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo còn có một lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản vào năm 2010. Theo quy định pháp luật, tính đến ngày phạm tội bị cáo đã được xóa án tích và được coi là không có tiền sự nhưng cần đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu, ý thức cải tạo, chấp hành pháp luật rất kém.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định mức hình phạt thấp hơn so với khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần lên cho bị cáo một mức án ở đầu khung hình phạt và buộc bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện và tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo làm lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, mục đích tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Ma túy là vật cấm lưu hành, vì vậy cần áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy số hêrôin quản lý của bị cáo được hoàn lại sau giám định là 0,2905 gam.

Đối với chiếc xe moto biển số đăng ký 17K1-3622 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng bị cáo, do bị cáo đứng tên đăng ký. Vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị H không biết việc bị cáo sử dụng xe để đi mua ma túy, vì vậy cơ quan điều tra đã trả lại chị Nguyễn Thị H chiếc xe trên là đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2017.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 0,2905 gam êrôin quản lý của bị cáo được hoàn lại sau giám định, niêm phong trong phong bì số 244/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình 01 chiếc xe moto biển số đăng ký 17K1-3622 (có đặc điểm như biên bản quản lý)

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận

- VKSND huyện, Công an huyện, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, Thái Bình
- Tòa án tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình
- Bị cáo.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu.

TM HĐXX SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Bình